

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, cấp dưỡng nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Đình Hoàng.

2. Bà Tô Thị Lành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn Tân B, xã Tân A, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Phạm Hồng V, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 80 Ngô Sỹ L, tổ 4, thôn 2, xã Biền H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/4/2022, tại bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:**

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phạm Hồng V đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND xã Tân An, huyện ĐăkPơ, tỉnh Gia Lai, sau khi kết hôn thì anh V đi làm ăn xa và từ đó vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân

mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu. Chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn muốn giải thoát cho nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Có 01 con Phạm Hải Đ, sinh ngày 22/10/2014. Con chung hiện đang sống với chị H, nên chị H yêu cầu được nuôi con.

Về cấp dưỡng: Chị H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, nhưng tại phiên tòa chị H thay đổi không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

*** Bị đơn anh Phạm Hồng V:** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Phạm Hồng V mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh V vắng mặt nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị H và anh V mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Xử cho chị H được ly hôn với anh V; Yêu cầu nuôi con của chị H là phù hợp và có căn cứ nên đề nghị chấp nhận; Việc cấp dưỡng và tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh Phạm Hồng V có địa: 80 Ngô Sỹ L, tổ 4, thôn 2, xã Biển H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn anh Phạm Hồng V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phạm Hồng V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Tân An, huyện ĐắkPơ, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 93/2013, ngày 24/12/2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị H và anh V là hôn nhân hợp pháp.

[3] Chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, mặc dù chị H đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ theo quy định nhưng anh V vẫn không có mặt để có ý kiến mong muốn đoàn tụ, điều này thể hiện việc anh V đã bỏ mặc, không quan tâm đến việc hàn gắn gia đình. Mặt khác Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn nhưng chính quyền địa phương không biết, chỉ biết vợ chồng không sống chung với nhau đã lâu. Từ căn cứ trên thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh V là có thật, mâu thuẫn đã kéo dài và đã đến mức sâu sắc, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau trong khoảng thời gian dài, họ không còn tình thương và niềm tin đối với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Hải Đ, sinh ngày 22/10/2014. Con chung hiện đang sống với chị H, chị H yêu cầu được nuôi con. Thấy rằng cháu Đ đang được chị H nuôi dưỡng vẫn đảm bảo quyền lợi của con và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ là muốn được sống với chị H khi cha mẹ ly hôn. Nên giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là có cơ sở.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[7] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H

- Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Phạm Hồng V.
- Về con chung: Có 01 con tên Phạm Hải Đ, sinh ngày 22/10/2014. Con chung hiện đang sống với chị H.

Giao con chung là cháu Phạm Hải Đ, sinh ngày 22/10/2014 cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đã thành niên và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.
- Về tài sản chung, nợ chung: không có

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự. Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai số: 0001658 ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị Thanh H đã nộp đủ tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo: trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Pleiku;
 - Chi cục THADS tp Pleiku;
 - TAND tỉnh Gia Lai;
 - UBND xã Tân An, huyện Đak Pơ, Gia Lai
- GCNKH số:93,quyển 01/2003, ngày 24/612/2013;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Hồng

Pleiku, ngày 16 tháng 4 năm 2021

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Kim Loan và bà Lê Thị Thanh Cường.

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vào hồi giờ phút, ngày 16/4/2021, tại phòng nghị án, hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Phan Thị Mỹ Nữ với bị đơn là anh Trần Trọng Thiên.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng:

Ý kiến của hội thẩm 1:

- Áp dụng: Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ý kiến của hội thẩm 2 và Chủ tọa phiên tòa nhất trí với ý kiến của hội thẩm 1.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung giải quyết:

Ý kiến của hội thẩm 2:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ Nữ

- Về hôn nhân: Chị Phan Thị Mỹ Nữ được ly hôn với anh Trần Trọng Thiên.
- Về con chung: Giao con chung là Trần Nhã Uyên, sinh ngày 30/9/2013 cho anh Trần Trọng Thiên trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu

Uyên đã thành niên và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Giao con chung là cháu Trần Gia An, sinh ngày 25/6/2018 cho chị Phan Thị Mỹ Nữ trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu An đã thành niên và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự. Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ý kiến của hội thẩm 1 và Chủ tọa phiên tòa nhất trí với ý kiến của hội thẩm 2.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Ý kiến của hội thẩm 1:

- Về án phí: Chị Phan Thị Mỹ Nữ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0005435 ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị Phan Thị Mỹ Nữ đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Ý kiến của hội thẩm 2 và Chủ tọa phiên tòa nhất trí với ý kiến của hội thẩm 1.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

